

PHIẾU AN TOÀN
PHÂN BÓN HỮU CƠ DANLIAN

Mã số: SDS 046-2

1. NHẬN DẠNG SẢN PHẨM VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP	
Thành phần: Xem mục 3	Tên nhà sản xuất và địa chỉ: CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
Số CAS: Xem mục 3	
Số EC: N/A	
Tên thường gọi của chất: Phân bón hữu cơ Danlian	<u>Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.</u>
Tên thương mại: Phân bón hữu cơ Danlian	Điện thoại: (+84)251-3825111, Fax: (+84)251-3825138 Free Hotline: (+84)1800.599.902
Mục đích sử dụng: Làm phân bón cho cây trồng	Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM Điện thoại: (+84)251-3825111, Free Hotline: (+84)1800.599.902
2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA SẢN PHẨM	
a) Phân loại theo GHS và thông tin phân loại theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, khu vực, tổ chức thử nghiệm	
Theo quy định của pháp luật Việt Nam: Sản phẩm này trong điều kiện vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích, vẫn tiềm ẩn khả năng gây hại cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường.	
b) Các yếu tố nhãn theo GHS	
Tại Việt Nam: Nội dung ghi nhãn theo hướng dẫn của Nghị định 43/2017/NĐ-CP và Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; Thông tư 32/2017/TT-BCT quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.	
Xuất khẩu: Nội dung ghi nhãn theo quy định pháp luật của nước nhập khẩu.	
Cảnh báo nguy hiểm:	
- Để xa tầm tay trẻ em. Sử dụng bảo hộ lao động khi bón phân.	
- Không được trực tiếp tưới vào cây trồng, phải pha loãng mới sử dụng.	

- Cấm sử dụng làm thực phẩm. Tránh tiếp xúc với mắt, rửa sạch với nước nếu bị dính sản phẩm.
- Sau khi pha loãng nhất định phải sử dụng hết.

Hướng dẫn sử dụng:

- Làm phân bón cho cây ăn quả; cây công nghiệp; rau ăn lá; rau ăn củ, quả; cây lương thực.
- Sử dụng bảo hộ lao động khi bón phân.

Hướng dẫn bảo quản: Xem mục 7.

c. Các thông tin nguy hại khác

Không có thông tin.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thường gọi của chất	Thành phần	Số CAS	Công thức hóa học
Phân bón hữu cơ sinh Danlian	Phụ phẩm thu được sau quá trình sản xuất bột ngọt	N/A	N/A
	Phosphoric acid	7664-38-2	H ₃ PO ₄
	Kali hydroxit	1310-58-3	KOH
	Ure	57-13-6	CO(NH ₂) ₂
	Nước	7732-18-5	H ₂ O
	Amoniac	7664-41-7	NH ₃

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

a) Các biện pháp tương ứng với các đường phơi nhiễm:

- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): Mở to mí mắt và rửa mắt nhẹ nhàng với thật nhiều nước. Nếu mức độ nghiêm trọng thì đưa ngay bác sĩ chuyên khoa mắt.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): Rửa sạch da bằng nước/ tắm.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở ở dạng hơi, khí): Ở điều kiện bình thường với mục đích sử dụng, vật liệu này không được cho là mối nguy khi hít phải.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt): Tham khảo ý kiến bác sĩ nếu cảm thấy

không khỏe.

b) Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này

Không có thông tin.

c) Các chỉ thị và hướng dẫn cấp cứu đặc biệt cần thiết

Không có thông tin.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

a) Các phương tiện chữa cháy thích hợp

Sử dụng phương tiện chữa cháy phải thích hợp với các vật liệu lân cận.

b) Các chất độc được sinh ra khi bị cháy

Là chất không dễ cháy.

c) Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy

Không được ở lại khu vực nguy hiểm mà không được trang bị quần áo bảo hộ phù hợp, và bộ dụng cụ bình thở oxy.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

a) Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố

Thiết bị bảo hộ: Xem phần 8.

Quy trình ứng phó sự cố: Ngăn chặn sự lan rộng hay đi vào cống, rãnh hay sông bằng cách sử dụng cát, đất hay các vật chắn phù hợp khác. Phải thông báo cho chính quyền địa phương nếu không không chế được lượng sản phẩm bị đổ tràn ra.

b) Các cảnh báo về môi trường

Chất rò rỉ có thể gây ô nhiễm. Cần phải có biện pháp phòng ngừa để ngăn chặn sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

c) Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố

Lau khô. Xúc tiến việc hủy bỏ. Làm sạch khu vực bị ảnh hưởng.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

a) Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác

Phải trang bị bảo vệ cá nhân theo mục 8

b) Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ẩm ướt, tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời. Không pha loãng để lưu trữ. Đóng kín nắp khi không sử dụng.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

a) Các thông số kiểm soát

Sản phẩm không chứa các chất cần kiểm soát giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

b) Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp

Thiết bị bảo hộ nên chọn phù hợp với nơi làm việc, phụ thuộc vào nồng độ và hàm lượng các chất độc thao tác. Độ bền với sản phẩm của thiết bị bảo hộ phải được xác định với người cung cấp.

c) Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

- Đeo khẩu trang.
- Nếu có nguy cơ văng, đeo kính bảo hộ hoặc che chắn mặt.
- Đeo bao tay chống thấm nước.
- Tuân thủ thực hành vệ sinh công nghiệp nói chung.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA SẢN PHẨM

a) Trạng thái vật lý: Lỏng

b) Điểm sôi (°C): Không xác định

c) Màu sắc: Màu nâu đậm

d) Điểm nóng chảy (°C): Sản phẩm dạng lỏng

e) Mùi đặc trưng: Mùi đặc trưng của sản phẩm

f) Điểm cháy (°C) theo phương pháp xác định: Không xác định

g) Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Không có thông tin

h) Nhiệt độ tự cháy (°C): Không xác định

i) Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Không có thông tin

k) Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Không xác định

l) Độ hòa tan trong nước: Không xác định

m) Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): Không xác định

n) Độ pH: $\geq 5,5$

o) Tỷ lệ hóa hơi: Không xác định

p) Khối lượng riêng (kg/m³): 1,15

q) Các tính chất khác nếu có: Không có thông tin

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA SẢN PHẨM

a) Khả năng phản ứng

Phản ứng với các tác nhân oxy hóa mạnh.

b) Tính ổn định

Ổn định trong điều kiện lưu trữ đã đề nghị.

c) Các phản ứng nguy hiểm

Không có phản ứng nguy hiểm trong điều kiện sử dụng và lưu trữ thông thường.

d) Các điều kiện cần tránh

Không có phản ứng nguy hiểm trong điều kiện sử dụng và lưu trữ thông thường.

e) Vật liệu không tương thích

Không có thông tin.

f) Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy

Không có thông tin.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH**a) Thông tin về các đường phơi nhiễm khác nhau**

- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt: Không có thông tin.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: Không có thông tin.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Ở điều kiện bình thường với mục đích sử dụng, sản phẩm này không được cho là một mối nguy khi hít phải.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Không có thông tin.

b) Các triệu chứng liên quan đến tính độc hại của sản phẩm và độc sinh thái

Không có thông tin.

c) Tác hại tức thì, tác hại lâu dài và những ảnh hưởng mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn

Không có thông tin.

d) Liệt kê những thông số về độc tính (ước tính mức độ cấp tính)

Không có thông tin.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

a) Độc môi trường (nước và trên cạn): Không có thông tin.

b) Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy: Không có thông tin.

c) Khả năng tích lũy sinh học: Không có thông tin.

d) Độ linh động trong đất: Không có thông tin.

đ) Các tác hại khác: Không có thông tin.

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

- Đối với sản phẩm: Cần tuân thủ các qui định về môi trường của địa phương và quốc gia.

- Đối với bao bì chứa: Thải bỏ giống như áp dụng với sản phẩm.
14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN
- Sản phẩm không nằm trong quy định quốc tế về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (Vận tải đường biển (IMDG), Vận tải đường hàng không (IATA), Vận tải đường bộ (ADR/RID)). - Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện sạch sẽ, khô ráo.
15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT
Quy định pháp luật phải tuân thủ: - Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12. - Luật trồng trọt 31/2018/QH14. - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón QCVN 01 -189:2019/BNNPTNT. - Nghị định 84/2019/NĐ-CP “Quy định về quản lý phân bón”. - Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 về nhãn hàng hóa và Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; Thông tư 32/2017/TT-BCT quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất. - Các văn bản pháp luật hiện hành liên quan khác.
16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC
Ngày tháng biên soạn Phiếu: 20/09/2024
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 30/10/2025
Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
Lưu ý người đọc: Các thông tin ở đây dựa trên kiến thức của chúng tôi. Nó đặc trưng cho sản phẩm với sự quan tâm đến các biện pháp phòng ngừa an toàn thích hợp. Nó không đại diện cho sự đảm bảo về các đặc tính của sản phẩm.